

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ VÕ
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

- Bản án số: 06/2018/DS-ST
- Ngày: 29/ 6/2018.
- V/v: Đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ- TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Hoàng Ngọc Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Hân.

2. Ông Nguyễn Thế Sách.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Huy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Võ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Thanh Minh -Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Võ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2018/TLST- DS ngày 24 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960. Có mặt.

Anh Phùng Văn K, sinh năm 1990, ủy quyền cho bà Đ.

Địa chỉ: Huê Đông, Đại Lai, Gia B, Bắc Ninh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1968. Có mặt.

Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968- Vợ ông Th, ủy quyền cho ông Th.

Địa chỉ: Thịnh Lai, Đức Long, Quế Võ, Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn là bà Đ trình bày tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:

Tôi giữ nguyên yêu cầu và phạm vi khởi kiện, không sửa đổi, thay đổi hay rút yêu cầu khởi kiện. Tôi cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Tôi và vợ chồng ông Th có quan hệ quen biết với nhau. Ngày 21/3/2011 âm lịch, tức 23/4/2011 dương lịch, vợ chồng ông Th có vay mẹ con tôi số tiền là 175.000.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn). Con tôi tên là Phùng Văn K, sinh năm 1990 ở cùng địa chỉ với tôi. Hiện cháu K đã ủy quyền toàn bộ cho tôi tham gia giải quyết vụ án này ở Tòa án. Khi vay vợ chồng ông Th có viết giấy vay tiền và cả hai vợ chồng ông Th đều ký ghi rõ họ tên ở phần người vay. Khi vay hai bên có thỏa thuận ghi trong giấy vay nợ là lãi xuất 02% một tháng, thời hạn vay là hai năm. Lãi trả hàng tháng, còn gốc sau hai năm phải trả. Quá trình vay hàng tháng tôi sang đòi tiền lãi thì vợ chồng ông Th đều khát, nói là chưa có và đưa ra một loạt khó khăn. Vợ chồng ông Th nói với tôi là đất nhà vợ

chồng ông đã vào dự án làm đường, khi nào được đền bù thì vợ chồng ông trả tôi. Tôi cũng rất thông cảm và chờ từ đó đến nay, nhưng vợ chồng ông Th vẫn không trả. Tháng 10/2017 tôi có sang để xem đất nhà ông Th đã được đền bù chưa, thì vợ chồng ông Th nói đã được đền bù tất cả được sáu trăm bảy mươi triệu đồng, nhưng chưa rút về. Vợ chồng ông Th chỉ tạm trả tôi 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn), hẹn một tháng sau sẽ trả nốt tôi. Ngày 05/11/2017, sau một tháng tôi đòi thì vợ chồng ông Th nói là đã làm nhà hết tiền rồi không trả tôi được. Nên tôi không nhất trí cho vợ chồng ông Th nhất nữa và quyết định kiện vợ chồng ông Th ra Tòa án. Cụ thể tôi yêu cầu vợ chồng ông Th phải trả cho mẹ con tôi số tiền vay nợ gốc còn lại là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn). Về lãi xuất mẹ con bà không yêu cầu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho hai bên, vợ chồng ông Th trình bày là hoàn cảnh kinh tế khó khăn, hiện nợ nần nhiều. Nên tôi cũng thông cảm cho vợ chồng ông Th và nhất trí cho vợ chồng ông Th trả dần trong vòng ba năm, cụ thể như sau: Ngày 20/11/2018 trả 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn). Ngày 20/11/2019 trả 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng chẵn). Ngày 20/11/2020 trả nốt 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng chẵn). Nếu vợ chồng ông Th không trả đúng thỏa thuận trên, thì mẹ con tôi sẽ làm đơn yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền vợ chồng ông Th còn phải trả cho mẹ con tôi. Về án phí: Mẹ con tôi và vợ chồng ông Th mỗi bên phải chịu một nửa theo quy định của pháp luật.

Nhưng khi Tòa án lập biên bản hòa giải thì ông Th bỏ về không ký.

Tại phiên tòa tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu vợ chồng ông Th phải trả mẹ con tôi toàn bộ số tiền trên, thời hạn trả như sau: Ngày 20/11/2018 trả 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn). Ngày 20/11/2019 trả 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng chẵn). Ngày 20/11/2020 trả nốt 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng chẵn). Nếu vợ chồng ông Th không trả đúng thỏa thuận trên, thì mẹ con tôi sẽ làm đơn yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền vợ chồng ông Th còn phải trả cho mẹ con tôi. Về án phí: Mẹ con tôi xin chịu một nửa và vợ chồng ông Th phải chịu một nửa theo quy định của pháp luật.

Việc ông Th yêu cầu tôi phải đưa cho ông Th giấy tờ mua bán đất giữa tôi và vợ chồng ông Th, tôi không nhất trí vì không liên quan đến việc vay nợ này. Nếu ông Th thắc mắc gì về việc mua bán đất giữa hai bên thì có thể khởi kiện để giải quyết trong vụ án khác.

Ngoài ra tôi không trình bày và yêu cầu gì khác.

Theo bị đơn là vợ chồng ông Th bà B trình bày trong biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:

Vợ chồng tôi đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Vợ chồng tôi đã được biết yêu cầu khởi kiện của mẹ con bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960 và anh Phùng Văn K, sinh năm 1990, cùng địa chỉ: Huê Đông, Đại Lai, Gia B,

Bắc Ninh yêu cầu vợ chồng tôi phải trả số tiền vay nợ gốc còn lại là 155.000.000đ (Một trăm lăm mươi năm triệu đồng chẵn). Quan điểm của vợ chồng tôi là nhất trí trả cho mẹ con bà Đ số tiền trên. Nhưng vợ chồng tôi hiện giờ kinh tế khó khăn, còn vay nợ nhiều chỗ nên không trả được cả một lúc mà chúng tôi xin trả dần. Thời hạn trả làm ba lần như bà Đ trình bày tại phiên tòa tôi nhất trí. Nhưng yêu cầu bà Đ phải đưa cho tôi xem giấy tờ mua đất giữa vợ chồng tôi và bà Đ thì tôi mới nhất trí, còn không thì thôi. Vì việc mua bán đó có liên quan đến số tiền vay nợ này, nhưng bà Đ cầm hết giấy tờ, vợ chồng tôi không giữ giấy tờ gì. Còn bà Đ không đưa cho tôi giấy tờ mua bán đất thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra ông Th không trình bày và yêu cầu gì khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Tất cả đều đã đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Việc mẹ con bà Đ cho vợ chồng ông Th vay 175.000.000đ từ ngày 23/4/2011 là có căn cứ. Khi vay vợ chồng ông Th có viết giấy vay nợ và cả hai vợ chồng ông Th đều ký nhận vay số tiền trên. Hai bên có thỏa thuận lãi suất là 02%/tháng, thời hạn vay là hai năm. nhưng thực tế vợ chồng ông Th chưa trả cho mẹ con bà Đ đồng lãi nào. Quá trình vay vợ chồng ông Th mới trả được mẹ con bà Đ 20.000.000đ tiền gốc, còn nợ 155.000.000đ. Tại phiên tòa vợ chồng ông Th cũng thừa nhận còn nợ mẹ con bà Đ số tiền trên, và cũng nhất trí trả cho mẹ con bà Đ số tiền trên theo thời hạn trả dần trong ba năm, như bà Đ đưa ra tại phiên tòa. Nhưng ông Th yêu cầu bà Đ phải đưa cho ông Th xem giấy tờ mua bán đất giữa hai bên, thì ông Th mới nhất trí. Vì ông Th trình bày việc mua bán đất có liên quan đến số tiền vay nợ này, nhưng vợ chồng ông không giữ giấy tờ gì. Bà Đ không nhất trí, vì xác định số tiền vay nợ này không liên quan đến việc mua bán đất giữa hai bên. Nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Th, mà có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của mẹ con bà Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 281, 471, 474 - Bộ luật dân sự năm 2005: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Th phải trả cho mẹ con bà Đ số tiền vay nợ gốc còn lại là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn). Áp dụng điều 147- Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện chịu ½ số tiền án phí của mẹ con bà Đ, vợ chồng ông Th còn phải chịu ½ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về việc tiến hành tố tụng của vụ án: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi, giao thông báo thụ lý vụ án cho vợ chồng ông Th. Quá trình giải quyết Tòa án đã giao giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng hòa giải không thành. Tòa án đã làm thủ tục quyết định đưa vụ án ra xét xử. Sau đó đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa cho vợ chồng ông Th. Ở phiên tòa lần thứ nhất vợ chồng ông Th vắng mặt, nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần hai ông Th có mặt, vợ ông Th vắng mặt, nhưng tại biên bản ghi lời khai 24/5/2018, bà B vợ ông Th đã đề nghị giải quyết vắng mặt bà, vì bà đi làm không nghỉ được, bà ủy quyền toàn bộ việc giải quyết vụ án cho ông Th. Tại phiên tòa, ông Th nhất trí nhận ủy quyền của bà B, tham gia giải quyết toàn bộ vụ án.

Về nội dung của vụ án: Bà Đ và vợ chồng ông Th có quan hệ với nhau từ trước. Ngày 21/3/2011 âm lịch, tức 23/4/2011 dương lịch, vợ chồng ông Th có vay mẹ con bà Đ anh K số tiền là 175.000.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn). Khi vay vợ chồng ông Th có viết giấy vay tiền và cả hai vợ chồng ông Th đều ký ghi rõ họ tên ở phần người vay. Khi vay hai bên có thỏa thuận ghi trong giấy vay nợ là lãi xuất 02% một tháng, thời hạn vay là hai năm. Lãi trả hàng tháng, còn gốc sau hai năm phải trả. Theo bà Đ trình bày, quá trình vay hàng tháng bà Đ có đòi tiền lãi thì vợ chồng ông Th đều khát, nói là chưa có và đưa ra một loạt khó khăn. Vợ chồng ông Th nói với bà Đ là khi nào được tiền đền bù đất thì vợ chồng ông Th trả bà Đ. Vợ chồng ông Th chỉ tạm trả bà Đ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn) tiền gốc. Bà Đ cũng rất thông cảm và chờ đến khi vợ chồng ông Th nhận được tiền đền bù đất, bà đến đòi thì vợ chồng ông Th nói là đã phải trả nợ nhiều chỗ khác và đã làm nhà hết tiền rồi không trả bà được.

Nay bà Đ không nhất trí cho vợ chồng ông Th khát nợ nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Th phải trả cho mẹ con bà Đ số tiền vay nợ gốc còn lại là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn). Thời hạn trả như sau: Ngày 20/11/2018 trả 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn). Ngày 20/11/2019 trả 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng chẵn). Ngày 20/11/2020 trả nốt 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng chẵn). Nếu vợ chồng ông Th không trả đúng thỏa thuận trên, thì mẹ con bà Đ sẽ làm đơn yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền vợ chồng ông Th còn phải trả. Về án phí: Mẹ con bà Đ tự nguyện chịu $\frac{1}{2}$ và vợ chồng ông Th phải chịu $\frac{1}{2}$ theo quy định của pháp luật. Về lãi xuất mẹ con bà Đ không yêu cầu.

Tại phiên tòa vợ chồng ông Th cũng thừa nhận còn nợ mẹ con bà Đ số tiền trên, và cũng nhất trí trả cho mẹ con bà Đ số tiền trên theo phương thức trả dần trong ba năm như bà Đ đưa ra tại phiên tòa. Nhưng ông Th yêu cầu bà Đ

phải đưa cho ông Th xem giấy tờ mua bán đất giữa hai bên thì ông Th mới nhất trí. Vì ông Th trình bày là việc mua bán đất có liên quan đến số tiền vay nợ này, nhưng vợ chồng ông không giữ giấy tờ gì. Bà Đ không nhất trí, vì xác định số tiền vay nợ này không liên quan đến việc mua bán đất giữa hai bên. Nếu ông Th thắc mắc gì về việc mua bán đất thì có thể khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Th yêu cầu bà Đ phải đưa cho ông Th giấy tờ mua bán đất giữa hai bên, thì vợ chồng ông Th mới nhất trí trả số tiền trên cho mẹ con bà Đ là không có căn cứ. Bà Đ không nhất trí, vì xác định việc mua bán đất không liên quan gì đến việc vay nợ này. Ông Th không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho việc mua bán đất liên quan đến việc vay nợ này. Nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của mẹ con bà Đ, buộc vợ chồng ông Th phải trả cho mẹ con bà Đ số tiền vay nợ gốc còn lại là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn). Thời hạn trả như sau: Ngày 20/11/2018 trả 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn). Ngày 20/11/2019 trả 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng chẵn). Ngày 20/11/2020 trả nốt 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng chẵn). Nếu vợ chồng ông Th không trả đúng thời hạn trả như trên, thì mẹ con bà Đ sẽ làm đơn yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền vợ chồng ông Th còn phải trả cho mẹ con bà Đ. Về án phí: Mẹ con bà Đ tự nguyện chịu $\frac{1}{2}$ án phí nên được chấp nhận. Vợ chồng ông Th phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí theo quy định của pháp luật.

Về áp dụng pháp luật, vì xác định đây là giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết, theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 688, Bộ luật dân sự năm 2015 (Điều khoản chuyển tiếp).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 281, 471, 474 - Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 235, 144, 147, 271, 273- Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án:

Xử: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị B phải trả cho mẹ con bà Nguyễn Thị Đ và anh Phùng Văn K số tiền vay nợ gốc còn lại là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn). Thời hạn trả như sau: Ngày 20/11/2018 trả 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn). Ngày 20/11/2019 trả 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng chẵn). Ngày 20/11/2020 trả nốt 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng chẵn). Nếu vợ chồng ông Th không trả đúng thời hạn trả như trên, thì mẹ con bà Đ có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền vợ chồng ông Th còn phải trả cho mẹ con bà Đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của mẹ con bà Đ, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng vợ chồng ông Th còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 468- Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2- Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9- Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Mẹ con bà Đ phải chịu 3.875.000đ (Ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn). Vợ chồng ông Th phải chịu 3.875.000đ (Ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn). Xác nhận mẹ con bà Đ đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 3.870.000đ theo biên lai số 02532 ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Mẹ con bà Đ còn phải nộp 5.000đ (Năm nghìn đồng chẵn) tiền án phí DSST.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND tỉnh, huyện.
- Thi hành án.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.

Hoàng Ngọc Sơn